

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 47
8. Phụ lục	48

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : +84 (0275) 390 0059
- Fax : +84 (0275) 382 4248
- Website : <http://bepharco.com>

**Văn phòng điều hành tại TP. Hồ Chí Minh:**

- Địa chỉ : số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3622 0205
- Fax : +84 (028) 3961 0613

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty);
- Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Dịch vụ quảng cáo (CPC 871), trừ quảng cáo thuốc lá;
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019

**Ban kiểm toán nội bộ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

30044  
**CÔNG**  
 CH NHIỆ  
 K TOÁN  
**A 8**  
 VH - T.1

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thứ Triệu**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lạc Sơn 06A/01, Lê Hồng Phong Đ Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0815/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>543.581.411.753</b>	<b>443.922.030.540</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31.784.441.041</b>	<b>45.955.511.248</b>
1. Tiền	111		21.784.441.041	24.921.362.293
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	21.034.148.955
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.317.960.204</b>	<b>37.180.771.233</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	50.317.960.204	37.180.771.233
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.051.575.568</b>	<b>178.818.739.655</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133.536.655.299	154.910.567.757
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.944.869.042	3.376.230.895
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	12.480.535.881	21.874.144.911
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(910.484.654)	(1.342.203.908)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>290.675.870.633</b>	<b>174.022.124.265</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	291.464.806.073	174.463.550.330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(788.935.440)	(441.426.065)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.751.564.307</b>	<b>7.944.884.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	554.125.216	1.401.533.110
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.056.703.510	6.542.270.267
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	140.735.581	1.080.762
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

03P  
C  
RÁC  
IÊM  
BIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>170.402.873.065</b>	<b>173.473.415.727</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.777.275.515</b>	<b>2.478.739.140</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.777.275.515	2.478.739.140
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>83.386.179.386</b>	<b>89.476.009.598</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	79.384.180.296	85.170.111.296
- Nguyên giá	222		172.941.574.026	166.244.100.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.557.393.730)	(81.073.989.516)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.001.999.090	4.305.898.302
- Nguyên giá	228		6.198.788.777	6.073.853.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.196.789.687)	(1.767.955.475)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.136.496.296</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.136.496.296	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>55.213.913.039</b>	<b>54.466.920.795</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	55.213.913.039	54.323.710.795
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	66.710.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	76.500.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.889.008.829</b>	<b>27.051.746.194</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.798.676.849	19.727.743.076
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.713.077.689	1.187.359.258
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	5.377.254.291	6.136.643.860
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>713.984.284.818</b>	<b>617.395.446.267</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>476.120.136.380</b>	<b>377.591.693.908</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>466.570.466.511</b>	<b>377.218.348.991</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	135.573.039.969	130.527.338.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	491.732.713	313.596.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	4.558.071.588	4.750.210.936
4. Phải trả người lao động	314	V.19	3.133.546.332	3.090.652.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	18.563.313	2.237.561.632
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a, c	4.409.324.211	11.013.001.198
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a, c	317.506.537.769	221.179.857.027
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	699.650.616	3.942.494.347
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.549.669.869</b>	<b>373.344.917</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b, c	130.500.000	93.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b, c	8.821.647.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	597.522.869	280.344.917
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815  
 TY  
 HỒ  
 VÀ TL  
 C  
 PHC

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>237.864.148.438</b>	<b>239.803.752.359</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>237.814.148.438</b>	<b>239.753.752.359</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	135.288.140.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.288.140.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	433.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	9.354.804.815	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	35.709.307.160	34.396.516.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.695.043.861	34.396.516.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.014.263.299	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	54.492.018.210	70.261.290.735
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>713.984.284.818</b>	<b>617.395.446.267</b>

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020

  
 Nguyễn Thiện Nhân  
 Người lập

  
 Nguyễn Thế Quốc Uy  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Thử Triệu  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	793.588.502.985	785.141.711.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.306.038.372	8.843.760.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		786.282.464.613	776.297.950.875
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	599.037.011.125	596.571.304.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.245.453.488	179.726.646.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.907.580.622	6.176.060.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.969.597.574	19.296.542.532
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.183.926.131	13.210.319.145
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.927.693.372	5.621.485.168
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	105.427.539.394	97.734.043.218
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	50.785.299.003	56.602.132.101
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.898.291.511	17.891.474.556
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.564.294.204	8.845.447.455
13. Chi phí khác	32	VI.9	401.647.697	735.377.871
14. Lợi nhuận khác	40		2.162.646.507	8.110.069.584
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.060.938.018	26.001.544.140
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	5.629.894.636	4.680.987.222
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, 24	(208.540.479)	140.881.810
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>25.639.583.861</u>	<u>21.179.675.108</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		<u>22.243.899.808</u>	<u>19.664.018.043</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>3.395.684.053</u>	<u>1.515.657.065</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	<u>1.671</u>	<u>1.517</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	<u>1.671</u>	<u>1.517</u>

  
 Nguyễn Thiện Nhân  
 Người lập

  
 Nguyễn Thế Quốc Uy  
 Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020  
  
 Phạm Thư Triệu  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.060.938.018	26.001.544.140
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 15	14.095.146.120	13.750.437.119
- Các khoản dự phòng	03	V.7, 8	166.459.029	1.333.037.769
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.5	365.540.309	160.016.275
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; V1.4, 8	(10.867.095.121)	(15.848.043.842)
- Chi phí lãi vay	06	V1.5	15.183.926.131	13.210.319.145
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.004.914.486	38.607.310.606
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.505.165.651	(23.191.933.772)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.251.924.651)	6.179.563.670
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.572.347.645	(4.271.111.848)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(86.698.469)	(3.773.221.774)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.165.362.818)	(13.210.319.145)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(4.668.241.898)	(3.485.930.589)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23, 25a	(5.188.360.426)	(792.104.163)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(79.278.160.480)</b>	<b>(3.937.747.015)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 11, 13, 16	(8.295.106.305)	(18.916.727.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.327.272.727	7.874.409.429
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.500.000.000)	(1.953.067.027)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.439.311.029	2.250.685.831
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.214.800.000)	(68.968.910)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.310.623.264	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.093.241.382	9.208.498.592
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(27.839.457.903)</b>	<b>(1.105.169.706)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25a	12.038.200.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(97.850.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a, b	697.475.786.641	538.384.848.867
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a, b	(592.327.458.899)	(537.127.893.089)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21a, 25a	(24.145.231.667)	(18.425.724.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>92.943.446.075</i></u>	<u><i>(17.168.768.222)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(14.174.172.308)</i>	<i>(22.211.684.943)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>45.955.511.248</i>	<i>68.167.196.191</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>3.102.101</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>31.784.441.041</i></u>	<u><i>45.955.511.248</i></u>

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020

  
Nguyễn Thiện Nhân  
Người lập

  
Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng

  
Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

*Mua thêm vốn góp tại công ty con*

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, Tập đoàn đã mua thêm 28,62% cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 82,15% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 63.219.476.199 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 18.093.444.186 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	82,15%	53,53%	82,15%	53,53%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

#### 5c. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha có trụ sở chính tại 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh dược phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 23,14% (số đầu năm là 23,14%).

BBT,  
3 TỶ  
4 HỮU  
VÀ TỶ  
C  
PHỔ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 561 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 564 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

04  
01  
NH  
01  
↓  
17

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (340 tháng).

#### **Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng**

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

#### **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

18/12  
CÔNG TY  
HỮU  
VÀ TÀI  
C  
PHỔ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## 12. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dùng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

## 13. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 14. **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **16. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

#### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 25. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.686.175.796	3.094.109.653
Tiền gửi ngân hàng	20.098.265.245	21.827.252.640
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	10.000.000.000	21.034.148.955
<b>Cộng</b>	<b><u>31.784.441.041</u></b>	<b><u>45.955.511.248</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>50.317.960.204</b>	<b>50.317.960.204</b>	<b>37.180.771.233</b>	<b>37.180.771.233</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	35.317.960.204	35.317.960.204	22.180.771.233	22.180.771.233
Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>76.500.000</b>	<b>76.500.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	76.500.000	76.500.000
<b>Cộng</b>	<b>50.317.960.204</b>	<b>50.317.960.204</b>	<b>37.257.271.233</b>	<b>37.257.271.233</b>

(i) Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng trị giá 1.317.960.204 VND (số đầu năm là 2.257.271.233 VND) đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre

(ii) Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	48.108.225.000	48.108.225.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	7.105.688.039	6.215.485.795
<b>Cộng</b>	<b>55.213.913.039</b>	<b>54.323.710.795</b>

Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.323.710.795	54.358.546.678
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	5.927.693.372	5.621.485.168
Cổ tức được chia trong năm	(2.958.539.524)	(5.495.035.000)
Trích lập quỹ trong năm	(1.272.480.843)	-
Các khoản khác	(806.470.761)	(161.286.051)
<b>Số cuối năm</b>	<b>55.213.913.039</b>	<b>54.323.710.795</b>

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	3.582.925	30.917.186
Bán hàng hóa	799.888.828	572.051.190
Cổ tức được chia	2.958.539.524	5.495.035.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>184.343.715</b>	<b>225.089.994</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	184.343.715	225.089.994
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>133.352.311.584</b>	<b>154.685.477.763</b>
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	4.440.913.536	9.121.445.642
Ông Phí Văn Gùmg	-	3.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	-	7.000.000.000
Văn phòng Điều phối các Dự án về Dân số	5.965.050.000	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	2.874.357.486	5.009.433.589
Các khách hàng khác	120.071.990.562	130.254.598.532
<b>Cộng</b>	<b>133.536.655.299</b>	<b>154.910.567.757</b>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 113.798.682.332 VND đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (xem thuyết minh số V.22a).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	318.659.550	314.586.855
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh sáng Châu Á	550.200.000	-
Hanh Ngo Inc.	82.655.145	82.655.145
Công ty Cổ phần Thương mại V.F.B	-	1.235.346.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	-	850.000.000
Các nhà cung cấp khác	993.354.347	893.642.895
<b>Cộng</b>	<b>1.944.869.042</b>	<b>3.376.230.895</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu tiền góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones (là bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019, mức lợi nhuận được chia cố định là 260.000.000 VND/quý. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được tự động gia hạn. Hợp đồng kéo dài không quá 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản phải thu này được bảo lãnh bởi Ông Vũ Quang Đông (xem thuyết minh số VII.2a).

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>615.449.888</b>	-	<b>830.045.352</b>	-
Thành viên Ban điều hành - tạm ứng	60.000.000	-	42.000.000	-
Thành viên Ban điều hành - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	390.205.444	-	312.678.352	-
Thành viên Hội đồng quản trị - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	-	-	475.367.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - lãi dự thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	165.244.444	-	-	-

 N.Đ  
 TRÁ  
 KIỂM  
 T.Đ.Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.865.085.993</b>	-	<b>21.044.099.559</b>	-
Tạm ứng	3.674.151.292	-	5.396.793.356	-
Tiền lãi ngân hàng dự thu	481.627.397	-	203.934.246	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng <sup>(i)</sup>	6.898.821.504	-	10.086.388.170	-
Ông Lê Cộng Hòa - phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	-	2.700.095.280	-
Ông Lê Ánh Tuấn - phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.300.027.984	-
Các khoản chi hộ - thuế thu nhập cá nhân	760.485.800	-	1.298.720.672	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	50.000.000	-	58.139.851	-
<b>Cộng</b>	<b>12.480.535.881</b>	-	<b>21.874.144.911</b>	-

<sup>(i)</sup> Các khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>95.938.480</b>	-	<b>59.679.262</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	95.938.480	-	59.679.262	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.681.337.035</b>	-	<b>2.419.059.878</b>	-
Công ty Cổ phần Sơn và Chất dẻo - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	-	1.140.000.000	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng <sup>(ii)</sup>	2.016.876.035	-	940.838.878	-
Tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	338.221.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	186.240.000	-	238.221.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.777.275.515</b>	-	<b>2.478.739.140</b>	-

<sup>(ii)</sup> Các khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Nợ quá hạn

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	24.469.100.218	24.469.100.218	35.512.162.227	35.488.639.718
Từ 6 tháng đến 1 năm	4.332.796.140	4.332.796.140	2.754.555.948	2.754.555.948
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	581.025.490	557.502.981	5.702.656.421	5.263.851.202
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	904.485.996	897.400.031	829.759.958	829.759.958
Trên 3 năm	1.838.743.007	958.866.827	1.115.656.677	235.780.497
<b>Cộng</b>	<b>32.126.150.851</b>	<b>31.215.666.197</b>	<b>45.914.791.231</b>	<b>44.572.587.323</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.342.203.908	225.447.480
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(431.719.254)	1.116.756.428
<b>Số cuối năm</b>	<b>910.484.654</b>	<b>1.342.203.908</b>

#### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.112.193.956	-	13.578.860.666	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.987.123.874	-	10.439.835.744	-
Công cụ, dụng cụ	36.896.386	-	37.158.613	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.485.277.649	-	1.614.152.113	-
Thành phẩm	1.773.791.578	-	3.303.337.843	-
Hàng hóa <sup>(i)</sup>	263.069.522.630	(788.935.440)	145.490.205.351	(441.426.065)
<b>Cộng</b>	<b>291.464.806.073</b>	<b>(788.935.440)</b>	<b>174.463.550.330</b>	<b>(441.426.065)</b>

- <sup>(i)</sup> Trong đó, giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển và hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) có thời hạn sử dụng dưới 01 năm tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 1.148.838.798 VND (số đầu năm là 932.517.942 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 90 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	441.426.065	905.034.484
Trích lập dự phòng bổ sung	598.178.283	216.281.341
Xuất hủy trong năm	(250.668.908)	(679.889.760)
<b>Số cuối năm</b>	<b>788.935.440</b>	<b>441.426.065</b>

4987  
GT  
EM HỒ  
VAT  
3 C  
PHẾ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 9. Chi phí trả trước

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	401.976.185	363.701.518
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	152.149.031	1.037.831.592
<b>Cộng</b>	<b>554.125.216</b>	<b>1.401.533.110</b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất trả trước <sup>(i)</sup>	10.728.164.075	11.137.826.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.255.373.635	1.216.647.016
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	5.729.823.067	6.326.061.734
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái	676.256.931	798.593.908
Chi phí tư vấn chuyển nhượng quyền phân phối sản phẩm “Cà phê Xuyên Hương dạng cốm”	1.133.333.335	-
Quyền phân phối sản phẩm “Cà phê Xuyên Hương dạng cốm”	33.333.332	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	242.392.474	248.613.581
<b>Cộng</b>	<b>19.798.676.849</b>	<b>19.727.743.076</b>

<sup>(i)</sup> Trong đó, một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.214.769.183 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.22a).

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	83.754.199.952	60.442.307.506	14.152.554.826	7.895.038.528	166.244.100.812
Mua trong năm	1.591.379.120	1.805.249.741	1.369.322.727	-	4.765.951.588
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.944.587.273	410.662.000	2.355.249.273
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(44.345.699)	-	(379.381.948)	-	(423.727.647)
<b>Số cuối năm</b>	<b>85.301.233.373</b>	<b>62.247.557.247</b>	<b>17.087.082.878</b>	<b>8.305.700.528</b>	<b>172.941.574.026</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.951.617.690	9.367.143.119	4.277.377.016	3.406.087.853	24.002.225.678
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	27.656.712.691	38.855.870.286	7.883.595.124	6.677.811.415	81.073.989.516
Khấu hao trong năm	4.817.086.739	6.352.260.035	1.190.486.974	547.088.591	12.906.922.339
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(44.136.177)	-	(379.381.948)	-	(423.518.125)
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.429.663.253</b>	<b>45.208.130.321</b>	<b>8.694.700.150</b>	<b>7.224.900.006</b>	<b>93.557.393.730</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	56.097.487.261	21.586.437.220	6.268.959.702	1.217.227.113	85.170.111.296
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.871.570.120</b>	<b>17.039.426.926</b>	<b>8.392.382.728</b>	<b>1.080.800.522</b>	<b>79.384.180.296</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.483.438.174 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái (xem thuyết minh số V.22a và V.22b).

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.302.988.457	1.770.865.320	6.073.853.777
Mua trong năm	-	124.935.000	124.935.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.302.988.457</b>	<b>1.895.800.320</b>	<b>6.198.788.777</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	150.200.000	150.200.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	782.496.962	985.458.513	1.767.955.475
Khấu hao trong năm	87.757.728	341.076.484	428.834.212
<b>Số cuối năm</b>	<b>870.254.690</b>	<b>1.326.534.997</b>	<b>2.196.789.687</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.520.491.495	785.406.807	4.305.898.302
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.432.733.767</b>	<b>569.265.323</b>	<b>4.001.999.090</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ xử lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại theo sổ sách là 2.624.414.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre (xem các thuyết minh số V.22a và V.22b).

#### 12. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	52.826.363
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	52.826.363
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	2.355.249.273	(2.355.249.273)	-
Xây dựng cơ bản dở dang <sup>(i)</sup>	-	1.136.496.296	-	1.136.496.296
<b>Cộng</b>	-	<b>3.491.745.569</b>	<b>(2.355.249.273)</b>	<b>1.136.496.296</b>

<sup>(i)</sup> Chi phí liên quan đến việc đầu tư thành lập công ty tại nước ngoài theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019.

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi của giao dịch bán hàng nội bộ trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.187.359.258	1.047.896.151
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	525.718.431	139.463.107
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.713.077.689</b>	<b>1.187.359.258</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

#### 15. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.284.615.191</b>	<b>4.309.280.504</b>	<b>7.593.895.695</b>
<b>Số đã phân bổ</b>			
Số đầu năm	739.038.418	718.213.417	1.457.251.835
Phân bổ trong năm	328.461.519	430.928.050	759.389.569
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.067.499.937</b>	<b>1.149.141.467</b>	<b>2.216.641.404</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.545.576.773	3.591.067.087	6.136.643.860
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.217.115.254</b>	<b>3.160.139.037</b>	<b>5.377.254.291</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>164.730</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	164.730	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>135.572.875.239</i>	<i>130.527.338.039</i>
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd.	27.095.830.059	47.149.882.009
Egis Pharmaceuticals Plc. Hungary	12.242.575.306	3.747.253.396
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	20.934.949.763	-
Các nhà cung cấp khác <sup>(i)</sup>	75.299.520.111	79.630.202.634
<b>Cộng</b>	<b><u>135.573.039.969</u></b>	<b><u>130.527.338.039</u></b>

<sup>(i)</sup> Trong đó, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 87.525.852 VND (số đầu năm là 0 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành	96.250.000	-
Công ty Cổ phần Dược An Hồng	90.769.003	90.769.003
Công ty TNHH Innovacare Việt Nam	95.592.000	95.592.000
Các khách hàng khác	209.121.710	127.235.506
<b>Cộng</b>	<b><u>491.732.713</u></b>	<b><u>313.596.509</u></b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	523.610.110	-	4.812.383.336	(4.863.325.376)	613.403.651	140.735.581
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.453.151.005	(16.453.151.005)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	143.043.963	(143.043.963)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.728.650	1.080.762	5.629.894.636	(4.668.241.898)	2.539.300.626	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.198.592.176	-	4.795.629.931	(5.588.854.796)	1.405.367.311	-
Thuế nhà đất	449.280.000	-	23.599.375	(472.879.375)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	402.095.398	(402.095.398)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	135.987.126	(135.987.126)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.750.210.936</u></b>	<b><u>1.080.762</u></b>	<b><u>32.395.784.770</u></b>	<b><u>(32.727.578.937)</u></b>	<b><u>4.558.071.588</u></b>	<b><u>140.735.581</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế: 5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác: 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	4.184.205.999	4.048.397.823
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	1.343.455.212	632.589.399
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	102.233.425	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.629.894.636</u></b>	<b><u>4.680.987.222</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất và thuế nhà đất*

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 19. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	-	2.063.486.222
Chi phí lãi vay phải trả	18.563.313	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	174.075.410
<b>Cộng</b>	<b><u>18.563.313</u></b>	<b><u>2.237.561.632</u></b>

#### 21. Phải trả khác

##### 21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><u>19.500.000</u></b>	<b><u>5.258.848.000</u></b>
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	19.500.000	87.163.200
Thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	1.760.765.600
Các cá nhân có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	3.410.919.200
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><u>4.389.824.211</u></b>	<b><u>5.754.153.198</u></b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	43.325.176
Kinh phí công đoàn	210.083.933	98.355.845
Bảo hiểm xã hội	124.616.372	128.640.137
Cổ tức phải trả	429.061.950	4.969.071.550
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238.221.000	238.221.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.344.515.777	276.539.490
<b>Cộng</b>	<b><u>4.409.324.211</u></b>	<b><u>11.013.001.198</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 21b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

#### 21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 22. Vay

#### 22a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>314.679.461.132</b>	<b>215.865.420.390</b>
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre <sup>(i)</sup>	229.302.557.339	215.865.420.390
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre <sup>(ii)</sup>	52.368.417.424	-
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An <sup>(iii)</sup>	19.989.249.950	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái <sup>(iv)</sup>	13.019.236.419	-
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>187.436.637</b>	<b>5.314.436.637</b>
Vay Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre <sup>(v)</sup>	-	1.000.000.000
Vay các cá nhân <sup>(v)</sup>	187.436.637	4.314.436.637
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)</b>	<b>2.639.640.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>317.506.537.769</b>	<b>221.179.857.027</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:

- Cầm cố trái phiếu tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a);
- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
- Cầm cố hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu 90 tỷ VND (xem thuyết minh số V.8);
- Thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chát dẻo (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:

- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
- Thế chấp một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre (xem thuyết minh số V.9b);
- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và việc thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre, cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay		Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm			
Vay ngắn hạn ngân hàng	215.865.420.390	685.615.559.641	-	(586.801.518.899)	314.679.461.132
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân	5.314.436.637	-	-	(5.127.000.000)	187.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.639.640.000	-	2.639.640.000
<b>Cộng</b>	<b>221.179.857.027</b>	<b>685.615.559.641</b>	<b>2.639.640.000</b>	<b>(591.928.518.899)</b>	<b>317.506.537.769</b>

#### 22b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre <sup>(i)</sup>	1.233.000.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre <sup>(ii)</sup>	7.588.647.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.821.647.000</b>	-

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay số 14911.018/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 31 tháng 10 năm 2019 để mua sắm xe ô tô Toyota Innova mang biển kiểm soát 71A-072.38 với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 11 năm 2019.
  - Hợp đồng vay số 024454.025/2019/HĐCVDADT/NHCT78005-BEPHARCO ngày 18 tháng 11 năm 2019 để mua sắm xe đông lạnh hiệu Hino FG9JT7A-G với lãi suất 8,9%/năm trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm giải ngân và được điều chỉnh hàng tháng sau khi kết thúc thời gian ưu đãi, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bù đắp chi phí thanh toán tiền thuê đất đối với 15 thửa đất tại tỉnh Bến Tre với lãi suất 8%/năm tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 và được điều chỉnh hàng quý, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2019. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại TP. Đà Nẵng (xem các thuyết minh số V.9b và V.10).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.639.640.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	8.821.647.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.461.287.000</b>	<b>-</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn các ngân hàng trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	11.860.227.000
Số tiền vay đã trả	(398.940.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(2.639.640.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.821.647.000</b>

#### 22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Số đầu năm	3.942.494.347
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.220.136.219
Chi quỹ	(4.462.979.950)
<b>Số cuối năm</b>	<b>699.650.616</b>

#### 24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	280.344.917
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	317.177.952
<b>Số cuối năm</b>	<b>597.522.869</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

#### 25. Vốn chủ sở hữu

##### 25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đậu Thị Thúy Mai	20.157.340.000	23.482.660.000
Bà Lê Thị Trúc Linh	10.250.000.000	10.250.000.000
Ông Lê Văn Minh	19.153.830.000	19.153.830.000
Ông Phạm Thử Triệu	10.389.650.000	7.577.070.000
Các tổ chức và cá nhân khác	75.337.320.000	62.681.380.000
<b>Cộng</b>	<b>135.288.140.000</b>	<b>123.144.940.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.814	12.314.494
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.814	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (8% mệnh giá - đã thực hiện tạm chia trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 10 năm 2018)	9.851.595.200
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	933.255.309

Ngoài ra, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/11.10/NQ – HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2019 cũng đã thông qua tỷ lệ tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 là 10% mệnh giá cổ phần.

Trong năm các công ty con cũng phân phối lợi nhuận như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 232/DPYB ngày 06 tháng 4 năm 2019	266.411.254
• Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 232/DPYB ngày 06 tháng 4 năm 2019	266.411.255
• Chi thù lao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	144.000.000
• Chi nộp bổ sung chênh lệch giá bán của một số mặt hàng thuốc trúng thầu trong giai đoạn 2015 – 2017 theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	557.380.476
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 32/NQ-ĐHĐCĐ.VXSP ngày 29 tháng 3 năm 2019	20.469.656
• Chia cổ tức cho các cổ đông tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang từ lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2019 với tỷ lệ là 2% mệnh giá cổ phần	1.710.300.000

#### 26. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### 27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng hợp tác kinh doanh không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.373.661.600	3.091.546.500
Trên 1 năm đến 5 năm	13.051.607.274	12.084.132.026
Trên 5 năm	10.113.815.708	13.169.233.769
<b>Cộng</b>	<b><u>27.539.084.582</u></b>	<b><u>28.344.912.295</u></b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Các khoản thanh toán tiền hợp tác kinh doanh ở trên bao gồm tổng số tiền thuê văn phòng và kho tại quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký với thời hạn 10 năm và có thể được gia hạn thêm.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội với giá thuê là 91.216.800 VND/tháng quy định tại Phụ lục hợp đồng số 04 ký ngày 11 tháng 5 năm 2019. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê các nhà kho chứa hàng hóa tại số 35, phố Cự Lộc, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê được quy định cụ thể trong Hợp đồng số 19/2019/HĐ và Phụ lục Hợp đồng số 01/PL-19/2019/HĐ ký ngày 31 tháng 12 năm 2019. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 24 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

##### 27b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	30.784,88	960,28
Euro (EUR)	201,85	201,77

##### 27c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu Ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	703.024.897.599	728.182.621.012
Doanh thu bán thành phẩm	89.712.731.435	56.362.304.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.237.587	105.877.099
Doanh thu cho thuê mặt bằng	523.636.364	490.909.090
<b>Cộng</b>	<b><u>793.588.502.985</u></b>	<b><u>785.141.711.685</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	4.611.673.373	6.662.413.998
Hàng bán bị trả lại	2.665.595.125	2.070.731.516
Giảm giá hàng bán	28.769.874	110.615.296
<b>Cộng</b>	<b><u>7.306.038.372</u></b>	<b><u>8.843.760.810</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	544.356.926.932	565.874.976.841
Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.733.891.875	27.788.664.777
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	250.668.908	222.207.955
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	1.097.345.127	2.469.173.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	598.178.283	216.281.341
<b>Cộng</b>	<b><u>599.037.011.125</u></b>	<b><u>596.571.304.152</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.562.445.009	2.540.234.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.700.000	27.000.000
Lãi trái phiếu	1.196.250.000	1.185.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.643.976.003	948.178.451
Chiết khấu thanh toán	442.175.166	632.453.433
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	243.790.000	837.019.264
Lãi hợp tác kinh doanh	789.244.444	-
Doanh thu tài chính khác	-	6.175.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.907.580.622</u></b>	<b><u>6.176.060.516</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.183.926.131	13.210.319.145
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.048.483.577	820.397.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	317.541.590	4.974.809.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	365.540.309	160.016.275
Chi phí tài chính khác	54.105.967	131.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.969.597.574</u></b>	<b><u>19.296.542.532</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	66.734.373.460	62.682.346.332
Chi phí vật liệu, bao bì	458.455.607	299.792.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.027.802.421	2.161.065.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.931.033.292	21.921.698.907
Các chi phí khác	13.275.874.614	10.669.139.227
<b>Cộng</b>	<b><u>105.427.539.394</u></b>	<b><u>97.734.043.218</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	33.659.186.461	32.510.438.101
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.383.680.729	509.764.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.994.410.828	1.635.940.834
Thuế, phí và lệ phí	516.789.857	640.680.183
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(431.719.254)	1.116.756.428
Lợi thế thương mại phân bổ	759.389.569	759.389.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.804.380.997	12.495.550.223
Các chi phí khác	6.099.179.816	6.933.611.908
<b>Cộng</b>	<b><u>50.785.299.003</u></b>	<b><u>56.602.132.101</u></b>

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	117.972.296	5.637.305.042
Hàng khuyến mãi	1.499.747.657	1.679.349.299
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	336.454.558	226.363.646
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	244.802.022	605.000.000
Thu nhập khác	365.317.671	697.429.468
<b>Cộng</b>	<b><u>2.564.294.204</u></b>	<b><u>8.845.447.455</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	108.500.000	28.040.518
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	673.025.551
Chi phí khác	293.147.697	34.311.802
<b>Cộng</b>	<b><u>401.647.697</u></b>	<b><u>735.377.871</u></b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	22.243.899.808	19.664.018.043
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính <sup>(i)</sup>	(889.755.992)	(983.200.902)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.354.143.816	18.680.817.141
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.776.934	12.314.494
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.671</u></b>	<b><u>1.517</u></b>

<sup>(i)</sup> Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 4% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.661.541.799	37.209.841.522
Chi phí nhân công	114.452.659.984	108.156.036.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.095.146.120	13.750.437.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.922.748.413	36.410.010.176
Chi phí khác	21.327.674.539	20.846.952.623
<b>Cộng</b>	<b><u>225.459.770.855</u></b>	<b><u>216.373.277.965</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	540.000.000	523.636.364
Trên 1 năm đến 5 năm	180.000.000	720.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>720.000.000</u></b>	<b><u>1.243.636.364</u></b>

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng thù lao	-	1.500.000.000
Cổ tức được chia	2.702.215.000	2.485.640.600
<b>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tạm ứng	500.000.000	413.000.000
Cổ tức được chia	97.379.000	199.031.700
<b>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Cổ tức được chia	3.931.117.000	4.781.152.700

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Vũ Quang Đông đã bảo lãnh cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019 với số nợ gốc là 10.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.5).

### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.21a.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.308.879.997	2.956.982.273
Phụ cấp	2.538.759.273	1.793.000.000
Tiền thưởng	2.454.823.555	1.594.750.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.302.462.825</u></b>	<b><u>6.344.732.273</u></b>

## 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuê mặt bằng	915.848.663	149.198.156
Phí lắp đặt nội thất văn phòng	67.803.320	-
Phí dịch vụ quản lý	129.800.466	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	36.259.218	59.679.262
Góp vốn hợp tác kinh doanh nhận lãi cố định	10.000.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh	789.244.444	-

Giá dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với bên liên quan khác*

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.6b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

## 3. **Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả sản phẩm do Tập đoàn sản xuất và thu mua đều được bán sỉ và bán lẻ cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các tổ chức và cá nhân khác thông qua phòng kinh doanh, hệ thống chi nhánh, cửa hàng kinh doanh của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.784.441.041	-	-	31.784.441.041
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.317.960.204	-	-	50.317.960.204
Phải thu khách hàng	101.410.504.448	31.215.666.197	910.484.654	133.536.655.299
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	11.322.968.860	-	-	11.322.968.860
<b>Cộng</b>	<b>204.835.874.553</b>	<b>31.215.666.197</b>	<b>910.484.654</b>	<b>236.962.025.404</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.955.511.248	-	-	45.955.511.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.257.271.233	-	-	37.257.271.233
Phải thu khách hàng	108.995.776.526	44.572.587.323	1.342.203.908	154.910.567.757
Các khoản phải thu khác	16.769.184.820	-	-	16.769.184.820
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	-	66.710.000
<b>Cộng</b>	<b>209.044.453.827</b>	<b>44.572.587.323</b>	<b>1.342.203.908</b>	<b>254.959.245.058</b>

815  
TY  
HỮU  
TƯ  
C  
HỖ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 6 tháng	24.469.100.218	35.488.639.718
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	4.332.796.140	2.754.555.948
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	557.502.981	5.263.851.202
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	897.400.031	829.759.958
Quá hạn trên 3 năm	958.866.827	235.780.497
<b>Cộng</b>	<b><u>31.215.666.197</u></b>	<b><u>44.572.587.323</u></b>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán	135.573.039.969	-	135.573.039.969
Vay và nợ	317.506.537.769	8.821.647.000	326.328.184.769
Các khoản phải trả khác	1.054.039.748	130.500.000	1.184.539.748
<b>Cộng</b>	<b><u>454.133.617.486</u></b>	<b><u>8.952.147.000</u></b>	<b><u>463.085.764.486</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	130.527.338.039	-	130.527.338.039
Vay và nợ	221.179.857.027	-	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	12.907.414.316	93.000.000	13.000.414.316
<b>Cộng</b>	<b><u>364.614.609.382</u></b>	<b><u>93.000.000</u></b>	<b><u>364.707.609.382</u></b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.784,88	201,85	960,28	201,77
Phải trả người bán	-	(1.807.775,22)	(169.888,50)	(1.760.835,12)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>30.784,88</b>	<b>(1.807.573,37)</b>	<b>(168.928,22)</b>	<b>(1.760.633,35)</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản đầu tư trái phiếu và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Trái phiếu ngắn hạn	15.000.000.000
Vay và nợ	(52.837.417.424)	-
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(37.837.417.424)</b>	<b>-</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	34.148.955
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	16.317.960.204	17.180.771.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	76.500.000
Tiền ký quỹ tại ngân hàng và các tổ chức khác	8.915.697.539	11.027.227.048
Khoản phải thu khách hàng	113.798.682.332	137.159.883.328
<b>Cộng</b>	<b>139.032.340.075</b>	<b>165.478.530.564</b>

Tập đoàn thế chấp các tài sản tài chính này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An và chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản cầm cố, thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.784.441.041	-	45.955.511.248	-	31.784.441.041	45.955.511.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.317.960.204	-	37.257.271.233	-	50.317.960.204	37.257.271.233
Phải thu khách hàng	133.536.655.299	(910.484.654)	154.910.567.757	(1.342.203.908)	132.626.170.645	153.568.363.849
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	11.322.968.860	-	16.769.184.820	-	11.322.968.860	16.769.184.820
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	66.710.000	-	-	66.710.000
<b>Cộng</b>	<b>236.962.025.404</b>	<b>(910.484.654)</b>	<b>254.959.245.058</b>	<b>(1.342.203.908)</b>	<b>236.051.540.750</b>	<b>253.617.041.150</b>

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	135.573.039.969	130.527.338.039	135.573.039.969
Vay và nợ	326.328.184.769	221.179.857.027	326.328.184.769	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	1.184.539.748	13.000.414.316	1.184.539.748	13.000.414.316
<b>Cộng</b>	<b>463.085.764.486</b>	<b>364.707.609.382</b>	<b>463.085.764.486</b>	<b>364.707.609.382</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2020



**Nguyễn Thiện Nhân**  
Người lập



**Nguyễn Thế Quốc Uy**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thứ Triệu**  
Tổng Giám đốc

4981,  
IGT  
ỆM HỮ  
V VẬT  
& I  
T.P.H



